

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 98/TC-TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1995

THÔNG TƯ

Số 98 TC/TCT ngày 30 tháng 12 năm 1995 hướng dẫn thi hành nghị định số 97/CP ngày 27 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt.

Căn cứ Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 30 tháng 6 năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 5 tháng 7 năm 1993 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt ngày 28/10/1995;

Căn cứ Nghị định số 97/CP ngày 27 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và các Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt;

Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB).

1. Đối tượng chịu thuế TTĐB là các mặt hàng nhập khẩu, sản xuất trong nước gồm: Thuốc lá điếu, xì gà, rượu các loại, pháo các loại (trừ pháo nổ), xăng các loại, nap-ta (naphtha), chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng; ô tô đến 24 chỗ ngồi (kể cả dạng SKD) được hướng dẫn chi tiết tại Mục II Thông tư này. Không thu thuế TTĐB đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước (kể cả dạng SKD).

2. Đối tượng nộp thuế TTĐB là các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, đoàn thể xã hội; các doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (dưới đây gọi chung là cơ sở) có nhập khẩu hay sản xuất các mặt hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB.

Trường hợp nhập khẩu uỷ thác thì tổ chức nhận uỷ thác là đối tượng nộp thuế TTĐB.

3. Cơ sở sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB tại nơi sản xuất và không phải nộp thuế doanh thu đối với doanh thu tiêu thụ sản phẩm đã kê khai nộp thuế TTĐB tại nơi sản xuất. Trường hợp cơ sở sản xuất có tổ chức chi nhánh hay cửa hàng tiêu thụ sản phẩm của cơ sở thì cơ sở phải kê khai và nộp thuế TTĐB tại nơi sản xuất; chi nhánh hay cửa hàng bán sản phẩm phải kê khai nộp thuế doanh thu tại nơi bán hàng theo thuế suất thuế doanh thu của hoạt động thương nghiệp.

4. Cơ sở nhập khẩu mặt hàng chịu thuế TTĐB phải nộp thuế TTĐB tại nơi kê khai nhập khẩu và kê khai nộp thuế doanh thu theo hoạt động thương nghiệp tại nơi bán hàng.

5. Mỗi mặt hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB chỉ chịu thuế TTĐB một lần. Cơ sở sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu TTĐB khi nộp thuế TTĐB được khấu trừ tiền thuế TTĐB đã nộp cho phần nguyên liệu để sản xuất hàng hoá đó trong các trường hợp sau đây:

a- Cơ sở sản xuất trực tiếp nhập khẩu hay uỷ thác nhập khẩu nguyên liệu đã nộp thuế TTĐB, có biên lai nộp thuế TTĐB.

b- Cơ sở sản xuất mua nguyên liệu thuộc diện chịu thuế TTĐB do cơ sở khác sản xuất ra đã nộp thuế TTĐB, có hoá đơn bán hàng do bên bán giao (loại hoá đơn do Bộ Tài chính phát hành).

Việc khấu trừ tiền thuế TTĐB được thực hiện cùng với việc kê khai nộp thuế theo công thức:

Số thuế TTĐB số lượng Giá tính Thuế Thuế TTĐB đã nộp ở

phải nộp = hàng x thuế x suất - khâu nguyên liệu mua

trong kỳ xuất kho đơn vị (%) vào hay nhập khẩu

tiêu thụ tương ứng với số sản

trong kỳ phẩm xuất kho tiêu thụ trong kỳ

Ví dụ: Trong kỳ nộp thuế xí nghiệp A phát sinh các nghiệp vụ sau:

+ Nhập khẩu 100.000lít nước bia đã nộp thuế TTĐB 135 triệu đồng.

+ Xuất kho 80.000 lít nước bia để sản xuất 240.000 hộp bia.

+ Bán 200.000 hộp bia, giá tính thuế là 2.600 đồng/hộp.

+ Thuế TTĐB đã nộp ở nước bia tương ứng với 200.000 hộp bia bán ra là 90 triệu đồng.

Số thuế tiêu thụ đặc biệt xí nghiệp A phải nộp trong tháng được xác định như sau:
 $(200.000 \text{ hộp} \times 2.600\text{đ/hộp} \times 75\%) - 90 \text{ triệu} = 300 \text{ triệu}$

Trường hợp chưa xác định được chính xác số thuế TTĐB đã nộp cho số nguyên vật liệu tương ứng với sản phẩm tiêu thụ trong kỳ thì có thể căn cứ vào số liệu của kỳ trước để tạm tính số thuế TTĐB khấu trừ và sẽ quyết toán theo số thực vào cuối tháng, cuối quý. Trong mọi trường hợp, số thuế TTĐB được phép khấu trừ tối đa không vượt quá số thuế TTĐB tính cho phần nguyên liệu theo tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật của sản phẩm.

6. Sản xuất hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB nếu xuất khẩu thì không phải nộp thuế TTĐB trong các trường hợp có kèm theo những thủ tục phải xuất trình với cơ quan thuế trực tiếp quản lý dưới đây:

a- Hàng hoá do cơ sở sản xuất trực tiếp xuất khẩu hoặc trực tiếp gia công cho nước ngoài, kể cả trường hợp được phép mang hàng hoá ra nước ngoài để dự hội chợ, triển lãm và đã bán hàng hoá đó tại nước ngoài.

Thủ tục gồm:

- Giấy phép xuất khẩu hoặc giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu theo chế độ qui định.

Riêng hàng tham gia hội chợ, triển lãm thì trong Giấy phép xuất nhập khẩu phải ghi rõ hàng tạm xuất, tái nhập và loại mặt hàng để dự hội chợ, triển lãm.

- Hợp đồng gia công hay bán hàng cho nước ngoài (đối với hàng trực tiếp xuất khẩu hoặc trực tiếp gia công).

- Hoá đơn kiêm phiếu xuất kho của số hàng xuất khẩu hoặc trả hàng gia công.

- Tờ khai hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của cơ quan Hải quan.

b- Hàng hoá do cơ sở sản xuất được phép bán cho các cửa hàng miễn thuế (coi như xuất khẩu) và hàng hoá do cơ sở sản xuất bán hoặc gia công cho các đối tượng thuộc khu chế xuất (trừ các mặt hàng cung ứng phục vụ tiêu dùng, sinh hoạt theo quy định tại Nghị định số 322/HĐBT ngày 18/10/1991 quy định về hoạt động của khu chế xuất).

Thủ tục gồm:

- Hợp đồng bán hàng hoặc hợp đồng gia công.
- Hoá đơn bán hàng, trả hàng và tờ khai hàng xuất khẩu có xác nhận thực xuất của cơ quan Hải quan.
- c- Hàng hoá do cơ sở sản xuất bán hoặc uỷ thác cho cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu để xuất khẩu theo hợp đồng kinh tế và Giấy phép xuất khẩu.

Thủ tục gồm:

- Hợp đồng uỷ thác xuất khẩu hoặc bán hàng của cơ sở sản xuất cho cơ sở kinh doanh.
- Hoá đơn bán hàng, giao hàng phù hợp với hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- Giấy phép xuất khẩu theo chế độ qui định cho tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu (hoặc bản sao có công chứng) phù hợp với mặt hàng do cơ sở sản xuất bán hoặc giao đã ghi trong hợp đồng và hoá đơn bán hàng.

Hàng tháng hoặc theo định kỳ nộp thuế, cơ sở sản xuất hàng thuộc diện chịu thuế TTĐB phải lập bảng kê toàn bộ số hàng đã bán hoặc uỷ thác xuất khẩu cho các cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu gửi cùng tờ khai nộp thuế cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý cơ sở sản xuất. Cơ quan thuế trực tiếp quản lý có trách nhiệm kiểm tra bảng kê hàng bán để xuất khẩu và thông báo cho các cơ quan thuế liên quan quản lý cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu về: Tên đơn vị mua hàng để xuất khẩu; số lượng và trị giá hàng đã xuất bán để xuất khẩu; đồng thời làm thủ tục xác nhận cho cơ sở sản xuất về số hàng xuất bán không phải nộp thuế TTĐB.

Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu không xuất khẩu mà bán trong nước thì ngoài việc phải nộp thuế doanh thu theo thuế suất hoạt động kinh doanh thương nghiệp, chậm nhất trong 3 ngày sau, cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu phải kê khai nộp thuế TTĐB thay cho cơ sở sản xuất. Giá tính thuế TTĐB là giá mua vào; nếu không xác định được giá mua vào thì tính theo giá thực tế bán ra chưa có thuế TTĐB.

Ví dụ: Công ty xuất nhập khẩu A mua 1 triệu bao thuốc lá của Công ty B (loại có thuế suất thuế TTĐB là 70%) để xuất khẩu với giá 4000 đồng/bao (giá chưa có thuế

TTĐB vì Công ty B không phải nộp thuế TTĐB trong trường hợp này). Nhưng vì lý do khách quan, Công ty A không xuất khẩu lô hàng trên phải bán tại trong nước với giá 7000 đồng/bao. Công ty A sẽ phải kê khai nộp:

- Thuế doanh thu theo thuế suất hoạt động thương nghiệp.
- Thuế TTĐB: $4000 \text{ đ/bao} \times 70\% \times 1 \text{ triệu bao} = 28 \text{ tỷ đồng}$.

Giả sử Công ty A không có căn cứ chứng minh giá thực mua vào thì giá tính thuế TTĐB sẽ là:

7000 đ

= 4117 đ/bao

$1 + 0.7$

Trường hợp cơ sở sản xuất hay kinh doanh xuất khẩu sản phẩm thuộc diện chịu thuế TTĐB nhưng vì lý do nào đó phải tái nhập khẩu thì Tổng cục Thuế sẽ xem xét, giải quyết không phải nộp thuế TTĐB khi có đầy đủ các thủ tục sau:

- Đơn trình bày nêu rõ lý do phải tái nhập khẩu, có ý kiến của cơ quan chủ quản cấp trên.
- Giấy phép xuất khẩu và giấy phép nhập khẩu hàng hoá theo chế độ quy định.
- Tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá có xác nhận thực xuất, thực nhập của Hải quan cửa khẩu phù hợp về số lượng, chất lượng và chủng loại mặt hàng.

Khi tiêu thụ hàng tái nhập khẩu ở trong nước, cơ sở sản xuất hoặc cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu đều phải kê khai nộp thuế TTĐB. Ngoài việc nộp thuế TTĐB, cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu còn phải kê khai nộp thuế doanh thu theo quy định về thuế doanh thu.

7. Không thu thuế TTĐB hàng hoá nhập khẩu trong các trường hợp với các thủ tục và trình tự cụ thể như sau:

a- Hàng viện trợ không hoàn lại, thủ tục gồm:

- Dự án viện trợ hoặc Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với các tổ chức của nước ngoài hoặc văn bản thoả thuận viện trợ hoặc thông báo viện trợ;
- Văn bản cho phép tiếp nhận, phân phối hoặc sử dụng hàng viện trợ của Bộ chủ quản hoặc UBND Tỉnh, Thành phố.